

UNIT 4:

MUSIC AND ARTS

SKILLS 2

- look forward to +Ving	(v): trông mong, mong đợi
- invite	(v): mời
- invitation	(n): lời mời
- complaint	(n): sự than phiền, phàn nàn
- formal letter	(n): thư trang trọng
- informal letter	(n): thư thân mật
- pavement	(n): vỉa hè, lề đường
- occur	(v): xảy ra, diễn ra
- support	(n) : sự ủng hộ
- huge	(adj): to lớn
- attract	(v): lôi cuốn, thu hút